

XÁC LẬP QUYỀN SỞ HỮU ĐỐI VỚI TÀI SẢN
DO NGƯỜI KHÁC ĐÁNH RƠI, BỎ QUÊN - MỘT SỐ BẤT CẬP VÀ KIẾN NGHỊ
NGUYỄN CHÍ DŨNG*

Tóm tắt: Trong bài viết này, tác giả phân tích làm rõ các quy định của pháp luật về xác lập quyền sở hữu đối với tài sản do người khác đánh rơi, bỏ quên. Đồng thời, bài viết cũng chỉ ra các bất cập và đưa ra các kiến nghị nhằm hoàn thiện quy định pháp luật về xác lập quyền sở hữu đối với tài sản do người khác đánh rơi, bỏ quên.

Từ khóa: tài sản bị đánh rơi, bỏ quên, tài sản vô chủ, tài sản không xác định chủ sở hữu.

Abstract: In this article, the author analyzes and clarifies the legal provisions on establishing ownership of property dropped or forgotten by others. Besides, it points out inadequacies and makes recommendations to improve the regulations on establishing ownership of property dropped or forgotten by others.

Keywords: Lost and forgotten property, derelict property, unidentified property.

1. Đặt vấn đề

Xác lập quyền sở hữu đối với tài sản do người khác đánh rơi, bỏ quên được quy định tại Điều 230 của Bộ luật Dân sự (BLDS) năm 2015. Tuy nhiên, qua nghiên cứu Điều 230 BLDS năm 2015 tác giả nhận thấy, vấn đề xác lập quyền sở hữu đối với tài sản do người khác đánh rơi, bỏ quên còn tồn tại một số điểm hạn chế, bất cập như: pháp luật chưa đưa ra căn cứ cụ thể để phân biệt tài sản bị đánh rơi, bỏ quên với tài sản không xác định được chủ sở hữu, tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, bị chìm đắm; quy định về thông báo tìm kiếm chủ sở hữu tài sản bị đánh rơi, bỏ quên và quy định về xác lập quyền sở hữu sau khi hết thời hạn thông báo tìm kiếm chủ sở hữu tài sản bị đánh rơi, bỏ quên chưa thực sự hợp lý.

2. Khái niệm tài sản do người khác đánh rơi, bỏ quên

Về phương diện pháp lý, BLDS năm 2015 quy định về căn cứ xác lập quyền sở hữu đối với tài sản do người khác đánh rơi, bỏ quên nhưng không đưa ra khái niệm thế nào là tài sản bị đánh rơi, bỏ quên. Dưới góc độ ngôn ngữ học, theo Từ điển Tiếng Việt, “đánh rơi” là để cho bị rơi, bị mất do vô ý¹. Thuật ngữ “bỏ quên” được kết hợp bởi hai từ là bỏ và quên, theo đó “bỏ” là để vào một nơi nào đó nhằm mục đích nhất định và “quên” là không còn nhớ, không còn nghĩ tới nữa².

Dưới góc độ khoa học pháp lý, theo tác giả Hoàng Thế Liên thì: “*Vật bị đánh rơi, vật bị bỏ quên là vật mà chủ sở hữu hoặc người chiếm hữu hợp pháp do lơ đãng, sơ suất để*

* Khoa Luật – Trường Đại học Nam Cần Thơ; Email: ncdung@nctu.edu.vn.

• Ghi chú: Tài bài viết toàn văn tại địa chỉ: <http://tapchi.hul.edu.vn>.

¹ Nguyễn Kim Thân, Hồ Thụy Hải, Nguyễn Đức Dương, *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb Văn Hóa Sài Gòn, năm 2005, trang 514

² Nguyễn Kim Thân, Hồ Thụy Hải, Nguyễn Đức Dương, *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb Văn Hóa Sài Gòn, năm, trang 1322

*mất quyền chiếm hữu (mất quyền trực tiếp nắm giữ, quản lý vật) ngoài ý chí của mình*³. Trong khi đó, theo tác giả Nguyễn Ngọc Điện thì: “*Vật được coi là bị đánh rơi, bị bỏ quên khi vật đang trong tình trạng được sử dụng bình thường trước khi rời khỏi tay chủ sở hữu ngoài ý muốn của người này và được người khác phát hiện không lâu sau đó*”⁴. BLDS năm 1995 và BLDS năm 2005 chỉ giới hạn ở việc xác lập quyền sở hữu đối với vật bị đánh rơi, bị bỏ quên. Đến nay, BLDS năm 2015 quy định theo hướng mở rộng hơn, thay thế cụm từ “*vật do người khác đánh rơi, bỏ quên*” bằng cụm từ “*tài sản do người khác đánh rơi, bị bỏ quên*”. Việc thay thế cụm từ “*vật do người khác đánh rơi, vật bỏ quên*” thành “*tài sản do người khác đánh rơi, bỏ quên*” là hợp lý và bao quát đầy đủ hơn các trường hợp. Bởi lẽ, tài sản là vật nhưng bên cạnh đó tài sản còn tồn tại ở các trạng thái pháp lý khác như tiền, giấy tờ có giá và quyền tài sản⁵. Chẳng hạn, một người đánh rơi một tấm séc thì trong trường hợp này tấm séc không phải là vật mà là giấy tờ có giá. Như vậy, có thể hiểu tài sản do người khác đánh rơi, bỏ quên là tài sản do chủ sở hữu, người chiếm hữu hợp pháp sơ suất, lơ đãng mà làm mất quyền chiếm hữu thực tế đối với tài sản ngoài ý chí của mình.

BLDS năm 2015 chưa nêu rõ căn cứ để phân biệt tài sản do người khác đánh rơi, bỏ quên với tài sản vô chủ, tài sản không xác định được chủ sở hữu. Theo tác giả Nguyễn Ngọc Điện: “*Một vật có giá trị nằm trong không gian công cộng, không có người coi sóc, như đã nói, có thể được suy đoán là vật bị đánh rơi, bị bỏ quên... Thông thường nơi vật bị đánh rơi, bị bỏ quên phải là nơi mà người ta có thể lui tới trong những điều kiện bình thường và không phải là nơi để đổ rác, để bỏ rác. Vật nằm ở nơi hẻo lánh, hiểm trở hoặc ở thùng rác, bãi rác nên được coi là vật bị từ bỏ, vật vô chủ*”; và “*Một vật được coi là bị đánh rơi, bị bỏ quên thường là vật có kích thước nhỏ có thể nắm giữ trong tay, như điện thoại, túi xách. Một chiếc tàu bị trôi dạt mà bị coi là vật bị đánh rơi, bị bỏ quên, thì không ổn. Sẽ là hợp lý khi một vật có kích thước lớn xuất hiện trong không gian chung trong tình trạng không có người kiểm soát được coi là vật không xác định được chủ sở hữu*”⁶. Có quan điểm cho rằng, các khái niệm tài sản vô chủ, tài sản không xác định chủ sở hữu, tài sản đánh rơi, bỏ quên, tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp có miền chồng lấn nhau. Cho dù tài sản được tìm thấy trong hoàn cảnh nào hay nguồn gốc xuất hiện của tài sản đó ra sao thì các tài sản đó cuối cùng đều có một điểm chung là không xác định được ai là chủ sở hữu⁷. Quan điểm này chưa hoàn toàn thuyết phục, vì có nhiều trường hợp người phát hiện được tài sản hoàn toàn biết được chủ sở hữu và địa chỉ của chủ sở hữu; chẳng hạn như nhặt được một chiếc ví tiền và trong ví có giấy tờ tùy thân của chủ sở hữu và số điện thoại của chủ sở hữu.

³ Hoàng Thế Liên, *Bình luận khoa học Bộ luật Dân sự năm 2005*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, năm 2013, trang 601.

⁴ Nguyễn Ngọc Điện, *Giáo trình Luật Dân sự, Tập 1*, Nxb Đại học Quốc gia TP.HCM, trang 2018, trang 304.

⁵ Điều 105 Bộ luật Dân sự năm 2015

⁶ Nguyễn Ngọc Điện, *Giáo trình Luật Dân sự, Tập 1*, Nxb Đại học Quốc gia TP.HCM, năm 2018, trang 304-305.

⁷ Châu Thị Vân, *Căn cứ xác lập quyền sở hữu đối với tài sản không xác định được chủ sở hữu*, Tạp chí Khoa học pháp lý Việt Nam, Số 01 (113)/2018, trang 33-38.

Việc xác định trường hợp nào là tài sản do người khác đánh rơi, bỏ quên và trường hợp nào là tài sản vô chủ, tài sản không xác định được chủ sở hữu là rất quan trọng, dẫn đến các hệ quả khác nhau trong việc áp dụng pháp luật để giải quyết các tình huống pháp lý trong thực tiễn. Nếu là tài sản vô chủ thì người phát hiện tài sản vô chủ là động sản sẽ được xác lập quyền sở hữu ngay mà không phải thông báo công khai để tìm chủ sở hữu và cũng không cần phân biệt tài sản đó là tài sản thường hay là di tích lịch sử, văn hóa. Đối với tài sản không xác định được chủ sở hữu thì sau một năm kể từ ngày thông báo công khai nếu có ai đến nhận thì người phát hiện được xác lập quyền sở hữu mà không phụ thuộc vào tài sản đó là tài sản thường hay là di tích lịch sử, văn hóa⁸. Đối với tài sản do người khác đánh rơi, bỏ quên thì sau một năm kể từ ngày thông báo công khai nếu vật có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng mười lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định thì thuộc về người nhặt được, nếu tài sản lớn hơn mười lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định thì sau khi trừ đi chi phí bảo quản, người nhặt được được hưởng phần giá trị bằng mười lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định và 50% phần giá trị vượt quá mười lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định, phần giá trị còn lại thuộc về Nhà nước⁹. Bên cạnh đó, nếu tài sản nhặt được là di tích lịch sử, văn hóa thì thuộc về Nhà nước, người nhặt được được hưởng một khoản tiền thưởng theo quy định pháp luật. Chính vì vậy, pháp luật cần phải quy định cụ thể tiêu chí để phân định rõ trường hợp nào là tài sản vô chủ, tài sản không xác định được chủ sở hữu, tài sản do người khác đánh rơi, bỏ quên nhằm bảo đảm sự thống nhất trong quá trình áp dụng pháp luật giải quyết các tranh chấp.

3. Quy định pháp luật về xác lập quyền sở hữu đối với tài sản đánh rơi, tài sản bỏ quên và một số bất cập

Vấn đề xác lập quyền sở hữu đối với tài sản do người khác đánh rơi, bỏ quên được quy định tại Điều 230 BLDS năm 2015, cụ thể như sau:

Thứ nhất, về nghĩa vụ thông báo: xuất phát từ nguyên tắc thiện chí, trung thực, tôn trọng quyền sở hữu, lợi ích hợp pháp của người khác, BLDS năm 2015 quy định, người phát hiện tài sản do người khác đánh rơi, bỏ quên mà biết được địa chỉ của người đánh rơi hoặc bỏ quên thì phải thông báo hoặc trả lại cho người đó; nếu không biết địa chỉ của người đánh rơi hoặc bỏ quên thì phải thông báo hoặc giao nộp cho Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã để thông báo công khai cho chủ sở hữu biết mà nhận lại. Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã đã nhận tài sản phải thông báo cho người đã giao nộp về kết quả xác định chủ sở hữu¹⁰. Qua nghiên cứu quy định trên tác giả nhận thấy còn tồn tại một số bất cập như sau:

⁸ Điều 228 BLDS năm 2015

⁹ Khoản 2 Điều 230 BLDS năm 2015

¹⁰ Khoản 1 Điều 230 BLDS năm 2015

Một là, về chủ thể thông báo: Theo khoản 1 Điều 230 BLDS năm 2015, người phát hiện tài sản do người khác đánh rơi, bỏ quên mà biết địa chỉ của người đánh rơi hoặc bỏ quên thì phải trả lại tài sản hoặc thông báo cho chủ sở hữu mà không cần thông qua Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc công an cấp xã. Tuy nhiên, trong trường hợp người phát hiện tài sản do người khác đánh rơi, bỏ quên và biết địa chỉ của người đánh rơi hoặc bỏ quên nhưng họ muốn thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã để các cơ quan này thông báo cho chủ sở hữu có được hay không? Bên cạnh đó, BLDS năm 2015 cũng quy định nếu không biết địa chỉ của người đánh rơi hoặc bỏ quên thì thông báo hoặc giao nộp cho Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã để thông báo công khai tìm chủ sở hữu. Ở đây BLDS năm 2015 quy định, người phát hiện tài sản do người khác đánh rơi, bỏ quên phải “*thông báo hoặc giao nộp*” tức là có thể thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã về việc mình đã nhặt được vật do người khác đánh rơi, bỏ quên hoặc giao nộp tài sản do người khác đánh rơi, bỏ quên cho Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã để các cơ quan này thông báo tìm kiếm chủ sở hữu. Như vậy, trong trường hợp người nhặt được tài sản do người khác đánh rơi, bỏ quên chỉ thông báo về việc mình nhặt được tài sản do người khác đánh rơi, bỏ quên thì họ tự thực hiện việc thông báo tìm chủ sở hữu hay Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã sẽ thực hiện việc thông báo công khai tìm chủ sở hữu? Bởi lẽ, theo khoản 1 Điều 230 BLDS năm 2015 thì chỉ trong trường hợp “*Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc công an cấp xã đã nhận tài sản phải thông báo cho người đã giao nộp về kết quả xác định chủ sở hữu*”. Từ quy định này có thể hiểu rằng, trường hợp người nhặt được tài sản do người khác đánh rơi, bỏ quên chỉ thông báo mà không giao nộp tài sản đã nhặt được cho Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã thì các cơ quan này không có nghĩa vụ thông báo mà người nhặt được tài sản do người khác đánh rơi, bỏ quên phải tự thông báo để tìm kiếm chủ sở hữu.

Hai là, về hình thức thông báo: BLDS năm 2015 chỉ quy định người phát hiện tài sản đánh rơi, bỏ quên hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã phải thực hiện nghĩa vụ thông báo công khai để tìm kiếm chủ sở hữu nhưng không quy định rõ việc thông báo phải được thực hiện dưới hình thức như thế nào? Việc đăng thông báo trên bảng tin của Ủy ban nhân dân, đăng tại nhà thông tin khu vực, đăng trên trang web của Ủy ban hay thông báo trên loa phát thanh của Ủy ban nhân dân? Đặc biệt là, trong bối cảnh hiện nay, với sự phát triển bùng nổ của các trang mạng xã hội, việc đăng thông báo tìm kiếm chủ sở hữu tài sản bị đánh rơi, bị bỏ quên trên các trang mạng xã hội như facebook, zalo, twitter... có được coi là hợp lệ hay không? Do vậy, pháp luật cần quy định rõ hơn về hình thức đăng thông báo để tìm kiếm chủ sở hữu tài sản đánh rơi, bỏ quên nhằm bảo đảm việc áp dụng thống nhất giữa các địa phương cũng như bảo đảm thông báo đó đến được với chủ sở hữu tài sản.

Ba là, về ngôn ngữ thông báo: Theo BLDS năm 2015 thì ngôn ngữ để thông báo tìm kiếm chủ sở hữu tài sản bị đánh rơi, bị bỏ quên được hiểu là bằng Tiếng Việt. Tuy nhiên, đối với các vùng đa số là đồng bào dân tộc thiểu số hoặc các xã giáp biên giới nếu chỉ đăng thông báo tìm kiếm chủ sở hữu tài sản bằng Tiếng Việt thì có bảo đảm thông báo đó đến được chủ sở hữu hay không? Do vậy, pháp luật cũng cần quy định cụ thể hơn về ngôn ngữ đăng thông báo đối với các xã miền núi có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số hoặc các xã giáp biên giới.

Thứ hai, quy định về xác lập sở hữu: Theo khoản 2 BLDS năm 2015, sau một năm kể từ ngày thông báo công khai mà không xác định được chủ sở hữu hoặc chủ sở hữu không đến nhận thì quyền sở hữu đối với tài sản đánh rơi, bỏ quên được xác định như sau:

i) Nếu tài sản đánh rơi, bỏ quên không phải là di tích lịch sử, văn hóa và có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng mười lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định thì người nhặt được được xác lập quyền sở hữu đối với tài sản đó theo quy định của Bộ luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan; trường hợp tài sản có giá trị lớn hơn mười lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định thì sau khi trừ chi phí bảo quản, người nhặt được sẽ được hưởng giá trị bằng mười lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định và 50% giá trị của phần vượt quá mười lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định, phần giá trị còn lại thuộc về Nhà nước.

ii) Trường hợp tài sản bị đánh rơi, bị bỏ quên là tài sản thuộc di tích lịch sử - văn hóa theo quy định của Luật di sản văn hóa thì tài sản đó thuộc về Nhà nước; người nhặt được tài sản được hưởng một khoản tiền thưởng theo quy định của pháp luật.

Quy nghiên cứu quy định nói trên tác giả nhận thấy còn tồn tại một số hạn chế, bất cập như sau:

Một là, việc BLDS năm 2015 quy định, nếu tài sản do người khác đánh rơi, bỏ quên lớn hơn mười lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định thì người phát hiện được hưởng phần giá trị bằng mười lần mức lương cơ sở và 50% phần giá trị vượt quá mười lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định, phần giá trị còn lại thuộc về Nhà nước là chưa thực sự hợp lý. Việc quy định Nhà nước thụ hưởng 50% phần giá trị vượt quá mười lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định là không có cơ sở thuyết phục. Sẽ là hợp lý hơn nếu chúng ta quy định theo hướng người phát hiện tài sản đánh bị rơi, bỏ quên nếu không tìm kiếm được chủ sở hữu sẽ được xác lập quyền sở hữu đối với toàn bộ giá trị tài sản nhưng phải nộp thuế thu nhập đối với khoản thu nhập phát sinh do được xác lập quyền sở hữu. Tuy nhiên, hiện nay, theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập cá nhân thì thu nhập từ việc xác lập quyền sở hữu đối với tài sản đánh rơi, tài sản bỏ quên không được liệt kê trong các khoản thu nhập phải chịu thuế¹¹. Do vậy, pháp luật về thuế thu nhập cá nhân cần bổ sung thu

¹¹ Điều 3 Luật Thuế thu nhập cá nhân năm 2007 (được sửa đổi, bổ sung năm 2012).

nhập từ việc xác lập quyền sở hữu đối với tài sản đánh rơi, bỏ quên là khoản thu nhập phải chịu thuế.

Hai là, trường hợp tài sản đánh rơi, bỏ quên là những loại tài sản sử dụng có thời hạn, những tài sản dễ bị hư hỏng thì việc vẫn áp dụng quy định thời hạn thông báo công khai để tìm kiếm chủ sở hữu là một năm và sau một năm kể từ ngày thông báo vẫn không xác định được chủ sở hữu hoặc chủ sở hữu không tới nhận thì người phát hiện tài sản do người khác đánh rơi, bỏ quên mới được xác lập quyền sở hữu là không hợp lý. Việc phải thông báo một năm để tìm kiếm chủ sở hữu có thể dẫn đến hết thời hạn sử dụng tài sản hoặc tài sản bị tiêu hủy gây lãng phí. Theo quy định của BLDS Liên bang Nga, người tìm thấy đồ vật dễ bị hư hỏng, có chi phí lưu kho đến mức bằng hoặc lớn hơn giá trị của vật thì người phát hiện vật có thể bán và lưu giữ lại biên lai xác nhận bằng văn bản. Số tiền bán vật được trả lại cho người có quyền nhận. Người tìm thấy vật chỉ chịu trách nhiệm về những mất mát hay hư hỏng của vật trong trường hợp cố ý hoặc do sơ suất nghiêm trọng và trong giới hạn giá trị của vật¹². Do vậy, khoản 2 Điều 230 BLDS năm 2015 cần có quy định ngoại lệ về thời hạn thông báo tìm kiếm chủ sở hữu cũng như cho phép người phát hiện vật do người khác đánh rơi, bỏ quên có quyền bán những tài sản dễ bị hư hỏng.

Ba là, việc quy định trong mọi trường hợp tài sản do người khác đánh rơi, bỏ quên là tài sản thuộc di tích lịch sử - văn hóa theo Luật di sản văn hóa đều thuộc về Nhà nước là chưa thực sự hợp lý. Bởi lẽ, theo quy định pháp luật, các tài sản thuộc di tích lịch sử - văn hóa cũng có thể thuộc sở hữu tư nhân¹³ và do vậy người phát hiện tài sản đánh rơi, bỏ quên cũng phải có quyền xác lập quyền sở hữu đối với các tài sản này. Quy định này cũng cho thấy sự đối xử không công bằng khi đối chiếu, so sánh với quy định về xác lập quyền sở hữu đối với tài sản vô chủ, tài sản không xác định được chủ sở hữu quy định tại Điều 229 BLDS năm 2015. Cụ thể là, cùng là tài sản thuộc di tích lịch sử - văn hóa nhưng nếu là tài sản không xác định được chủ sở hữu thì người phát hiện được xác lập sở hữu, trong khi đó nếu là tài sản đánh rơi, bỏ quên thì lại thuộc về Nhà nước, người phát hiện chỉ được hưởng một khoản tiền thưởng theo quy định pháp luật.

4. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện quy định pháp luật về xác lập quyền sở hữu đối với tài sản đánh rơi, bỏ quên

Trên cơ sở phân tích các hạn chế, bất cập trong quy định về xác lập quyền sở hữu đối với tài sản do người khác đánh rơi, bỏ quên, tác giả đưa ra các kiến nghị như sau:

Thứ nhất, cần quy định rõ căn cứ để phân biệt tài sản bị đánh rơi, bỏ quên với tài sản vô chủ, tài sản không xác định chủ sở hữu, tài sản bị chôn, giấu, vùi lấp, chìm đắm. Theo

¹² Điều 227 và 228 BLDS Liên Bang Nga năm 1994 (được sửa đổi, bổ sung năm 2011)

¹³ Theo khoản 2 Điều 196 BLDS năm 2015 quy định: Khi tài sản đem bán là tài sản thuộc di tích lịch sử - văn hoá theo quy định của Luật di sản văn hóa thì Nhà nước có quyền ưu tiên mua.

tác giả, có thể đưa ra các căn cứ để xác định tài sản do người khác đánh rơi, bỏ quên như sau: Căn cứ xác định tài sản do người khác đánh rơi, bỏ quên bao gồm:

i) Tài sản được phát hiện là động sản.

ii) Không có căn cứ rõ ràng về việc chủ sở hữu tài sản đã từ bỏ quyền sở hữu đối với tài. Như vậy, nếu có căn cứ rõ ràng về việc chủ sở hữu đã từ bỏ quyền sở hữu thì tài sản đó là tài sản vô chủ.

iii) Có thể xác định được chủ sở hữu tài sản thông qua các thông tin có liên quan đến tài sản đánh rơi, bỏ quên. Tiêu chí này có thể giúp phân biệt “tài sản không xác định được chủ sở hữu” với “tài sản do người khác đánh rơi, bỏ quên”. Căn cứ này cũng đã phần nào được ghi nhận trong BLDS năm 2015. Cụ thể, khoản 2 Điều 228 BLDS năm 2015 khi quy định về xác lập quyền sở hữu đối với “tài sản không xác định được chủ sở hữu” đã quy định: “*Người phát hiện tài sản mà không xác định được ai là chủ sở hữu*”. Trong khi đó, khoản 1 Điều 230 BLDS năm 2015 quy định: “*Người phát hiện tài sản do người khác đánh rơi, bỏ quên mà biết được địa chỉ của người đánh rơi, bỏ quên thì phải thông báo hoặc trả lại tài sản cho người đó; nếu không biết được địa chỉ của người đánh rơi hoặc bỏ quên thì phải...*”. Ở đây, khoản 1 Điều 230 quy định theo hướng “*nếu không biết địa chỉ của người đánh rơi hoặc bỏ quên*” chứ không quy định nếu không xác định được chủ sở hữu tài sản là ai hoặc không biết được tài sản được phát hiện là của ai. Chẳng hạn một người nhặt được một chiếc ví tiền, trong ví tiền có chứng minh thư nhân dân hoặc bằng lái xe thì phải xác định là tài sản đó là tài sản bị đánh rơi, bị bỏ quên. Tuy nhiên, nếu một người nhặt được một chiếc đồng hồ đeo tay ở một công viên và không có thông tin gì về chủ sở hữu kèm theo chiếc đồng hồ thì chúng ta có thể coi chiếc đồng hồ này là tài sản không xác định được chủ sở hữu. Điều này có nghĩa rằng, đối với tài sản bị đánh rơi, bị bỏ quên chúng ta có thể biết được tài sản đó là của ai thông qua các thông tin có liên quan đến tài sản, người phát hiện có thể biết được địa chỉ hoặc cũng có thể không biết được địa chỉ của người đánh rơi, bỏ quên tài sản do có thông tin về họ tên, quên quán nhưng không có thông tin cụ thể về địa chỉ.

iv) Tài sản được phát hiện ở những nơi sinh hoạt công đồng. Tiêu chí này có thể giúp phân biệt tài sản bị đánh rơi, bị bỏ quên với tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, bị chìm đắm. Nếu tài sản được phát hiện trong lòng đất khi đào ao, đào móng nhà, tài sản trực vớt được dưới sông, biển, ao, hồ thì không phải là tài sản bị đánh rơi, bị bỏ quên mà là vật bị vùi lấp, bị chôn, giấu, bị chìm đắm.

Như vậy, nếu một tài sản được phát hiện mà không đáp ứng các tiêu chí nêu trên thì không phải là tài sản đánh rơi, bỏ quên mà có thể là tài sản vô chủ, tài sản không xác định được chủ sở hữu, tài sản bị chôn, giấu, bị chìm đắm tùy từng trường hợp cụ thể.

Thứ hai, cần xác định rõ hơn chủ thể có trách nhiệm thông báo để tìm kiếm chủ sở hữu tài sản đánh rơi, bỏ quên như sau: Trong trường hợp người phát hiện tài sản đánh rơi,

bỏ quên biết được địa chỉ của chủ sở hữu thì phải trả lại tài sản hoặc thông báo cho chủ sở hữu biết mà nhận lại; nếu không biết địa chỉ của chủ sở hữu thì người phát hiện tài sản đánh rơi, bỏ quên phải thông báo hoặc giao nộp tài sản cho Ủy ban nhân dân cấp xã để thông báo công khai cho chủ sở hữu biết mà nhận lại. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thông báo tìm kiếm chủ sở hữu và phải thông báo cho người phát hiện tài sản do người khác đánh rơi, bỏ quên về kết quả xác định chủ sở hữu.

Thứ ba, cần quy định cụ thể hơn về hình thức thông báo và ngôn ngữ thông báo tìm kiếm chủ sở hữu tài sản đánh rơi, bỏ quên trong trường hợp không biết được địa chỉ của người đánh rơi, người bỏ quên. Cụ thể, Ủy ban nhân dân cấp xã phải niêm yết công khai thông báo tìm kiếm chủ sở hữu tài sản bị đánh rơi, bị bỏ quên tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và tại nhà thông tin ở các thôn, ấp, khu vực. Đối với các xã miền núi có nhiều đồng bào dân tộc, các xã giáp biên giới thì ngoài việc niêm yết văn bản thông báo tìm kiếm chủ sở hữu tài sản bằng Tiếng Việt thì cần thông báo bằng tiếng dân tộc, tiếng nước ngoài thông qua các hình thức phù hợp với tập quán tại địa phương.

Thứ tư, cần có quy định ngoại lệ về thời hạn thông báo tìm kiếm chủ sở hữu trong trường hợp tài sản bị đánh rơi, bị bỏ quên là những tài sản dễ bị tiêu hủy hoặc các tài sản có thời hạn sử dụng. Theo tác giả, thời hạn thông báo tìm kiếm chủ sở hữu trong trường hợp này nên quy định bằng hai phần ba thời hạn sử dụng của tài sản bị đánh rơi, bỏ quên. Việc quy định thời hạn thông báo tìm kiếm chủ sở hữu chỉ bằng hai phần ba thời hạn sử dụng của tài sản để nếu chủ sở hữu không đến nhận tài sản thì tài sản còn có thể được sử dụng tránh lãng phí. Nếu quy định thời hạn thông báo bằng với thời gian sử dụng tài sản, trong trường hợp chủ sở hữu không đến nhận tài sản thì lúc này tài sản cũng đã bị tiêu hủy hoặc hết thời hạn sử dụng và do vậy sẽ gây lãng phí.

Thứ năm, bỏ quy định tài sản bị đánh rơi, bỏ quên vượt quá mười lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định thì 50% phần giá trị vượt quá mười lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định thuộc về Nhà nước. Trong trường hợp này, người được xác lập quyền sở hữu đối với tài sản bị đánh rơi, bỏ quên phát sinh thu nhập đột xuất và do vậy phải thực hiện nghĩa vụ kê khai và nộp thuế thu nhập cá nhân theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập cá nhân. Đồng thời cần sửa đổi, bổ sung Điều 2 Luật Thuế thu nhập cá nhân năm 2007 (sửa đổi, bổ sung năm 2012) theo hướng, thu nhập từ việc được xác lập quyền sở hữu đối với các tài sản do người khác đánh rơi, bỏ quên, tài sản vô chủ, tài sản không xác định được chủ sở hữu, tài sản bị vùi lấp, bị côn, giấu, bị chìm đắm là khoản thu nhập phải chịu thuế.

Thứ sáu, cần bãi bỏ quy định tài sản đánh rơi, bỏ quên là di tích lịch sử - văn hóa theo Luật di sản văn hóa thì thuộc về Nhà nước. Bởi lẽ, quy định này tạo nên sự phân biệt đối xử với trường hợp xác lập quyền sở hữu đối với tài sản vô chủ, tài sản không xác định được chủ sở hữu cũng như thiếu cơ sở thuyết phục.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT, ĐẠI HỌC HUẾ

Từ những phân tích trên tác giả cho rằng có thể sửa đổi, bổ sung Điều 230 BLDS năm 2015 như sau:

“Điều 230. Xác lập quyền sở hữu đối với tài sản do người khác đánh rơi, bỏ quên.

1. Căn cứ xác định tài sản do người khác đánh rơi, bỏ quên bao gồm:

- a) Tài sản được phát hiện là động sản;*
- b) Không có căn cứ rõ ràng về việc chủ sở hữu tài sản đã từ bỏ quyền sở hữu đối với tài;*
- c) Có thể xác định được chủ sở hữu tài sản thông qua các thông tin có liên quan đến tài sản đánh rơi, bỏ quên;*
- d) Tài sản được phát hiện ở những nơi sinh hoạt cộng đồng.*

2. Người phát hiện tài sản do người khác đánh rơi, bỏ quên mà biết được địa chỉ của chủ sở hữu thì phải trả lại tài sản hoặc thông báo cho chủ sở hữu biết mà nhận lại; trường hợp không biết được địa chỉ của chủ sở hữu thì phải thông báo hoặc giao nộp tài sản cho Ủy ban nhân dân cấp xã để thông báo công khai cho chủ sở hữu biết mà nhận lại.

Ủy ban nhân dân cấp xã phải niêm yết văn bản thông báo tìm kiếm chủ sở hữu tài sản tại Trụ sở ủy ban và tại Nhà thông tin của khu vực, thôn, ấp, phum, sóc, bản, mường. Đối với các xã miền núi có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số, các xã giáp biên giới thì ngoài việc niêm yết văn bản thông báo tìm kiếm chủ sở hữu tài sản theo quy định trên thì Ủy ban nhân dân cấp xã phải thông báo bằng tiếng dân tộc, bằng tiếng nước ngoài theo hình thức phù hợp với tập quán của địa phương.

Ủy ban nhân dân cấp xã phải thông báo cho người phát hiện tài sản bị đánh rơi, bỏ quên về kết quả xác định chủ sở hữu.

3. Sau một năm kể từ ngày người phát hiện tài sản do người khác đánh rơi, bỏ quên thông báo công khai hoặc kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp xã thông báo công khai mà không xác định được chủ sở hữu hoặc chủ sở hữu không đến nhận lại tài sản thì người phát hiện tài sản do người khác đánh rơi, bỏ quên được xác lập quyền sở hữu đối với tài sản đó.

Trường hợp tài sản đánh rơi, bỏ quên thuộc loại tài sản sử dụng có thời hạn hoặc những tài sản dễ bị hư hỏng thì thời hạn thông báo tìm kiếm chủ sở hữu không vượt quá hai phần ba thời hạn sử dụng loại tài sản đó. Hết thời hạn này, người phát hiện tài sản do người khác đánh rơi, bỏ quên được xác lập quyền sở hữu đối với tài sản.

Trường hợp tài sản bị đánh rơi, bị bỏ quên là tài sản dễ bị hư hỏng thì người phát hiện tài sản được quyền bán tài sản đó và trả lại giá trị tài sản cho người có quyền nhận sau khi đã trừ đi chi phí bảo quản và bán tài sản.

5. Kết Luận

Căn cứ xác lập quyền sở hữu nói chung và xác lập quyền sở hữu đối tài sản do người khác đánh rơi, bỏ quên nói riêng có ý nghĩa quan trọng, góp phần bảo vệ quyền sở hữu của

các chủ thể và là cơ sở pháp lý để các cơ quan có thẩm quyền giải quyết các tình huống pháp lý về xác lập quyền sở hữu. Bài viết đã phân tích làm rõ căn cứ xác lập quyền sở hữu đối với tài sản do người khác đánh rơi, bỏ quên đồng thời đã chỉ ra các bất cập của pháp luật, trên cơ sở đó tác giả đã đưa ra các kiến nghị góp phần hoàn thiện pháp luật.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ luật Dân sự năm 2015.
2. Luật Thuế thu nhập cá nhân năm 2007 (được sửa đổi, bổ sung năm 2012).
3. Bộ luật Dân sự Liên Bang Nga năm 1994 (được sửa đổi, bổ sung năm 2011).
4. Châu Thị Vân (2018), *Căn cứ xác lập quyền sở hữu đối với tài sản không xác định được chủ sở hữu*, Tạp chí Khoa học pháp lý Việt Nam, Số 01-2018.
5. Nguyễn Kim Thản, Hồ Thụy Hải, Nguyễn Đức Dương, *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb Văn Hóa Sài Gòn, năm 2005.
6. Hoàng Thế Liên, *Bình luận khoa học Bộ luật Dân sự năm 2005*, Nxb Chính Trị Quốc gia, Hà Nội, năm 2013.
7. Nguyễn Ngọc Điện, *Giáo trình Luật Dân sự*, Tập 1, Nxb Đại học Quốc gia TP.HCM, năm 2018.